

Số: /GPMT-SNN&MT

Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với công trình đầu tư duy trì phục vụ sản xuất và sinh hoạt kho than Nam Khe Tam – Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến than Đông Bắc tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh của Tổng Công ty Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND thành

phố Cẩm Phả về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 – Duy trì, đảm bảo sản xuất cho các mỏ tại khu vực Nam Khe Tam – Khe Sim của Tổng Công ty Đông Bắc tại phường Quang Hanh, Cẩm Thủy và xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thu hồi và gia hạn sử dụng đất khi hết hạn sử dụng đất cho Công ty CP Vận tải và chế biến than Đông Bắc để làm kho than tập trung +305 tại phường Cẩm Thủy, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả;

Xét các văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc: số 68/VTCB-KTAT ngày 21/02/2025, số 286/VTCB-KTAT ngày 16/10/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị tại Tờ trình số/TTr-SNN&MT ngày/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc, địa chỉ tại Khu 6B, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Kho than Nam Khe Tam tại phường Quang Hanh và phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Kho than Nam Khe Tam tại phường Quang Hanh và phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Quang Hanh và phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp (đăng ký lần đầu ngày 12/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 12/08/2022);

1.4. Mã số thuế: 5701650781.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho bãi, chế biến than.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

+ Diện tích: 71.571,0 m² (theo Quyết định cho thuê đất số 3837/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh);

+ Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm C (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đầu tư Công năm 2024);

+ Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm III (quy định tại số thứ tự 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính

phủ, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 5 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất:

+ Công suất: Dung tích kho than là 50.000 tấn than, chủng loại kho: kho than hở; Công suất tiếp nhận, nghiền sàng: 1.000.000 tấn than/năm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất: Than nguyên khai → Phễu cấp liệu → nghiền sàng → Than kích thước <35mm → nghiền sàng → Than kích thước <15mm → Vận chuyển về Cảng Km6.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc được cấp giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Quang Hanh và UBND phường Mông Dương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND phường Quang Hanh, UBND phường Mông Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Chủ cơ sở;
- Như Điều 4 (t/h);
- Các PGĐ Sở;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- VP Sở (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, BVMT, MT11;

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Sơn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT ngày /11/2025
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh tại khu nhà nghỉ ca, nhà văn phòng, nhà vệ sinh.

+ Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ tại khu nhà nghỉ ca, văn phòng, nhà vệ sinh.

+ Nguồn số 03: Nước thải nấu ăn phát sinh từ nhà ăn ca.

- Nước thải sản xuất:

+ Nguồn số 4: Nước mưa chảy tràn qua sân bãi chứa than.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Moong nước nằm trong ranh giới mỏ của Công ty Khe Sim – Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc thuộc địa giới hành chính phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: 02 dòng (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Dòng số 1 (nước thải sinh hoạt tương ứng với nguồn số 01, 02 và 03):

+ Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy theo khe rãnh tự nhiên tại khu vực về moong nước thuộc địa giới hành chính phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải sinh hoạt: X: 2325357; Y: 449361.

- Dòng số 2 (nước mưa chảy tràn tương ứng với nguồn số 04):

+ Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Nước mưa chảy tràn sau xử lý tại hố lắng thoát ra mương chung của toàn khu, rồi chảy theo khe rãnh tự nhiên tại khu vực về moong nước thuộc địa giới hành chính phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2325874; Y = 449246.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $982 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó:

- Dòng số 1: $2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Dòng số 2: $980 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Dòng số 1: Nước thải sau xử lý theo khe rãnh tự nhiên tại khu vực, chảy về moong nước thuộc địa giới hành chính phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh; Tự chảy, xả mặt.

- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn sau xử lý tại hố lắng theo cửa xả tràn xả vào mương thoát nước chung của khu vực, rồi theo khe rãnh tự nhiên chảy về moong nước thuộc địa giới hành chính phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh; Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải:

- Dòng số 1: Liên tục (24 giờ);

- Dòng số 2: Gián đoạn (chỉ xả thải khi phát sinh nước mưa chảy tràn).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

* Dòng số 1 (Nước thải sinh hoạt)

- Đến hết thời hạn của GPMT này (ngày 30/12/2030), chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi tại cứ khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi tại cứ khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sunfua	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
9	Phosphat	mg/l	12		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	6.000		

(Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì thực hiện

theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định).

*** Nước thải sản xuất**

- Đến hết thời hạn của GPMT này (ngày 30/12/2030), chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 03:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Cột B, Kq = 0,6; Kf = 1; KQN = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
1	pH	-	5,5-9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	COD	mg/l	150		
5	Sunfua	mg/l	0,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
8	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/l	-		
9	Coliforms	MPN/100ml	5000		
10	Fe	mg/l	5		
11	Mn	mg/l	1		
12	Cu	mg/l	2		

(Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

- Nước thải xám, nước thải đen phát sinh tại cơ sở (nguồn số 01, 02, 03) ống PVC D110 → bể tự hoại cải tiến bastaf 5 ngăn → ống PVC D110 → hố

gom nước thải → xả thải.

- Nước mưa chảy tràn (nguồn số 04) → hệ thống rãnh, hố ga thu nước → bể lắng phía Đông cơ sở → hệ thống rãnh, hố ga lắng cặn → bể lắng môi trường phía Tây cơ sở → xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. *Bể tự hoại cải tiến bastaf 5 ngăn*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Ngăn lắng 1: Tiếp nhận nguồn nước từ mặt bằng sơ bộ các cặn lơ lửng như bùn đất và những rác nhỏ lọt qua lưới chắn rác.

+ Ngăn lắng 2: Tiếp nhận nước thải từ ngăn lắng I, lắng các cặn lơ lửng, trên mặt nước vì nước thông từ ngăn lắng II sang ngăn lắng III bằng ống hình chữ L, đầu tiếp nhận hướng xuống dưới cách mặt nước 0,5m.

+ Ngăn lắng 3, 4, 5 : Tiếp tục lắng thứ cấp các cặn lơ lửng.

- Công suất thiết kế: 01 bể, gồm 5 ngăn, dung tích 05 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, men vi sinh.

1.2.2. *Bể lắng (số lượng: 02 bể), cụ thể:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Lắng trọng lực.

- Công suất thiết kế

+ Bể lắng tập trung phía Tây: dung tích 180 m³ gồm 3 ngăn, kích thước L x B x H = 12m x 6 m x 2,5m.

+ Bể lắng phía Đông: 01 bể dung tích 180 m³ gồm 3 ngăn, kích thước L x B x H = 12m x 6 m x 2,5m..

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện việc nạo vét, gia cố, cải tạo hệ thống công rãnh thu gom, hố lắng, bể tự hoại đảm bảo công năng hiện có và hiệu quả xử lý của công trình, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, ngấm nước thải, chảy tràn ra ngoài môi trường khi mưa lớn.

- Trong thời gian xảy ra mưa lớn kéo dài, bố trí đầy đủ phương tiện, thiết bị, cán bộ trực theo dõi hoạt động của các công trình thu gom, xử lý nước thải, gia cố hệ thống thu gom, xử lý ngăn vật liệu bị rửa trôi theo dòng nước mưa ra ngoài môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải, các công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Định kỳ, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu

chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của các công trình xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của các công trình xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải ra môi trường có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Phải gắn biển báo tại điểm xả nước thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc có trách nhiệm lập Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải bao gồm đầy đủ các quy trình ứng phó sự cố môi trường theo nội dung đã nêu cụ thể tại hồ sơ đề xuất cấp GPMT trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận vận hành cơ sở.

- Có biện pháp tiêu thoát nước trong khu vực đảm bảo không ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải trong mùa mưa lũ.

2.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở./.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT ngày /11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống sàng than.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển than.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Đến hết ngày 31/12/2026 (QCVN 26:2010/BTNMT)		Từ ngày 01/01/2027 (QCVN 26:2025/BTNMT)		
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 18h (dBA)	Từ 18h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
70	55	70	65	60
Khu vực thông thường		Khu vực E		

2.2. Độ rung:

Đến hết ngày 31/12/2026 (QCVN 27:2010/BTNMT)		Từ ngày 01/01/2027 (QCVN 27:2025/BTNMT)	
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
70	60	75	70
Khu vực thông thường		Khu vực D	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí lịch trình các phương tiện ra vào cơ sở, tắt các phương tiện khi không sử dụng, các phương tiện được đăng kiểm và kiểm tra định kì.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cách xa khu nhà văn phòng, nhà ăn công nhân. Máy phát điện được đặt trong nhà bao che để giảm độ ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT ngày /11/2025
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên / Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu thải	15 01 07	Rắn/lỏng	1.290
3	Bộ lọc, ty ô dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn/lỏng	160
5	Que hàn thải	07 04 01	Rắn	32
6	Xỉ hàn có các kim loại nặng	07 04 02	Rắn	62
7	Các chi tiết bộ phận của phanh đã qua sử dụng có chứa amiăng	15 01 06	Rắn	56
8	Giẻ lau dính dầu, gói thấm dầu	18 02 01	Rắn	173
9	Bao bì thải bằng kim loại (thùng phi chứa dầu, hộp sơn...)	18 01 02	Rắn	245
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	8
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	264
	Tổng			2.290

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn từ cặn lắng của bể lắng: Khoảng 60 m³/năm (thu hồi phối trộn vào sản phẩm, không thải bỏ).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 7,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Kho lưu chứa CTNH:

- Diện tích: 52,65 m².

- Vị trí: phía Tây cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho kín, được đổ bê tông cao hơn mặt bằng xung quanh khoảng 0,3-0,45m, tường bằng khung thép tôn xung quanh, mái lợp tôn, cửa bằng tôn khung thép. Bên ngoài kho được treo biển cảnh báo chất thải nguy

hại, trang bị bình bọt chữa cháy và xẻng cát; trong kho bố trí thùng phuy có nắp đậy đựng CTNH, dán mã nhận biết các thùng phuy chứa CTNH theo quy định.

- Khu vực lưu chứa trong nhà kho đảm bảo trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Thùng chứa riêng từng loại chất thải nguy hại (CTNH), có kết cấu chống rò rỉ, ăn mòn, có nắp đậy, dung tích 50 lít/thùng, có dán mã CTNH; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường:

Không bố trí (do bã sàng tuyển và bùn lắng của bể lắng được thu hồi, tận dụng phối trộn vào sản phẩm, không thải bỏ).

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- CTRSH phát sinh được phân loại, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa, dung tích 90 lít có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn công nhân và một số vị trí tại sân công nghiệp trong khuôn viên Cơ sở.

- Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại, lưu chứa được đơn vị có chức năng (Công ty cổ phần môi trường đô thị Cẩm Phả) thu gom đưa đi xử lý (tần suất 01 lần/ngày).

- Thực hiện quản lý chất thải thông thường theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 75 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại Cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát; phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNN&MT ngày /11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Sử dụng bạt che chắn bãi than, phương tiện vận chuyển; duy trì phun nước chống bụi bằng xe tưới nước tại các vị trí phát sinh bụi; duy trì hoạt động của hệ thống phun sương dập bụi tại các cụm sàng, đầu băng tải than;

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, tưới ẩm dọc các tuyến đường vận tải; các xe chờ đứng tải trọng;

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả tái sử dụng; Quản lý thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vận hành các công trình xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt

hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Cơ sở. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Quang Hanh và Ủy ban nhân dân phường Mông Dương để được hướng dẫn giải quyết.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.